

Tp. Kon Tum, ngày 12 tháng 5 năm 2023

Số: 13/2023/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:13/2022/TLST-KDTM ngày 10/02/2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266- 268 N, phường 8, Quận 03, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Kon Tum (Văn bản ủy quyền số 659/2022/GUQ-CNKT ngày 30/12/2022).

Địa chỉ: 353 Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Công ty TNHH T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hữu Ch, sinh năm 1980- Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Số 94 A Ng, tổ 02, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 94 A Ng, tổ 02, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền trả nợ: Công ty TNHH T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 12/5/2023 là 2.550.155.299 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, tiền gốc: 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.175.772, lãi quá hạn là 30.821.918 đồng, lãi phạt 157.609 đồng.

Thời hạn Công ty TNHH T trả nợ cho Ngân hàng vào ngày 30/6/2023. Đến thời hạn trả nợ, Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử lý tài sản đã thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 250 m² tại tờ bản đồ số 49, số thửa 12 và tài sản trên đất; Địa chỉ thửa đất và tài sản trên đất tại: Tổ 2, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 011621 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp ngày 04/9/2013 mang tên ông Đặng Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Th;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 628 m² tại tờ bản đồ số 22, số thửa 244 (Trong đó 200 m² đất ở đô thị, đất trồng cây hàng năm 428 m²) và tài sản trên đất; Địa chỉ thửa đất và tài sản trên đất tại: Tổ 2, phường Ng, thành phố K, tỉnh Kon Tum theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 524396 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp ngày 14/12/2016 mang tên ông Trương Quang S, đăng ký biến động ngày 27/9/2017 mang tên ông Đặng Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Th để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 220A/2021/HĐTC ngày 23/4/2021 giữa ông Đặng Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Th với Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty TNHH T phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 3.180.000 đồng (*Ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*). Số tiền 3.180.000 đồng (*Ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*) Công ty TNHH T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/3/2023 giữa Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum với Ngân hàng TMCP S.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH T phải chịu 41.501.552 đồng (*bằng chữ: Bốn mươi một triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm năm mươi hai đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 41.331.000 đồng (*bằng chữ: Bốn mươi một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền số AA/2021/0001175 ngày 09/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Thi hành án dân sự thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ HƯỜNG